

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG VIETINBANK (VBIF)**



# MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:.....	1
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA .....	2
CHƯƠNG I.....	5
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	5
ĐIỀU 1. TÊN QUỸ VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ.....	5
ĐIỀU 2. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ .....	5
ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC CỦA QUỸ.....	5
ĐIỀU 4. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ CHÀO BÁN ..	5
ĐIỀU 5. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ	6
ĐIỀU 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ .....	6
ĐIỀU 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....	6
CHƯƠNG II .....	7
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	7
ĐIỀU 8. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ.....	7
ĐIỀU 9. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ.....	7
ĐIỀU 10. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ .....	9
ĐIỀU 11. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY VÀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ.....	10
ĐIỀU 12. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ .....	11
CHƯƠNG III.....	12
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ .....	12
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ .....	12
ĐIỀU 13. NHÀ ĐẦU TƯ .....	12
ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ .....	12
ĐIỀU 15. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ.....	14
ĐIỀU 16. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ .....	14
ĐIỀU 17. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ .....	18
ĐIỀU 18. GIÁ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU, GIÁ PHÁT HÀNH, GIÁ MUA LẠI.....	19
ĐIỀU 19. THỪA KẾ CHỨNG CHỈ QUỸ.....	20
ĐIỀU 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.....	20
CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	20
ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	20
ĐIỀU 22. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ BẤT THƯỜNG .....	21
ĐIỀU 23. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	21
ĐIỀU 24. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ .....	22
ĐIỀU 25. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ .....	24
ĐIỀU 26. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ .....	25
CHƯƠNG V .....	25

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....	25
ĐIỀU 27. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....	25
ĐIỀU 28. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....	27
ĐIỀU 29. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....	27
ĐIỀU 30. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....	28
ĐIỀU 31. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....	28
ĐIỀU 32. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....	28
ĐIỀU 33. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....	29
CHƯƠNG VI.....	30
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ .....	30
ĐIỀU 34. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ .....	30
ĐIỀU 35. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ .....	30
ĐIỀU 36. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 33	
ĐIỀU 37. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ .....	34
CHƯƠNG VII .....	35
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....	35
ĐIỀU 38. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....	35
ĐIỀU 39. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....	36
ĐIỀU 40. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....	37
ĐIỀU 41. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....	39
CHƯƠNG VIII .....	39
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN .....	39
ĐIỀU 42. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN .....	39
ĐIỀU 43. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN .....	40
ĐIỀU 44. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN .....	40
ĐIỀU 45. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN 41	
ĐIỀU 46. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN .....	41
CHƯƠNG IX.....	42
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI .....	42
ĐIỀU 47. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ .....	42
ĐIỀU 48. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI .....	42
ĐIỀU 49. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ .....	44
ĐIỀU 50. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI .....	46
CHƯƠNG X.....	46
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO .....	46
ĐIỀU 51. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN .....	46
ĐIỀU 52. NĂM TÀI CHÍNH .....	46

ĐIỀU 53. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	47
ĐIỀU 54. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	47
ĐIỀU 55. BÁO CÁO KHÁC.....	47
CHƯƠNG XI.....	47
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ.....	47
ĐIỀU 56. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	47
ĐIỀU 57. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BẢO GIÁ 48	
ĐIỀU 58. NGUYÊN TẮC, QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	48
ĐIỀU 59. ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ.....	49
CHƯƠNG XII.....	50
GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.....	50
ĐIỀU 60. GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ, GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ, GIÁM SÁT.....	50
ĐIỀU 61. THU NHẬP CỦA QUỸ.....	50
ĐIỀU 62. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	50
ĐIỀU 63. CHI PHÍ KHÁC.....	51
ĐIỀU 64. PHÂN CHIA LỢI TỨC CỦA QUỸ.....	51
CHƯƠNG XIII.....	52
TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ.....	52
ĐIỀU 65. HỢP NHẤT, SÁP NHẬP QUỸ.....	52
ĐIỀU 66. CHIA, TÁCH QUỸ MỞ.....	52
ĐIỀU 67. GIẢI THỂ QUỸ.....	52
CHƯƠNG XIV.....	53
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	53
ĐIỀU 68. KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ VÀ CÁC QUỸ KHÁC, CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ ỦY THÁC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ GIỮA QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	53
CHƯƠNG XV.....	53
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	53
ĐIỀU 69. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ.....	53
ĐIỀU 70. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	53
ĐIỀU 71. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	54
ĐIỀU 72. ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ.....	54
PHỤ LỤC 1.....	55
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	55
PHỤ LỤC 2.....	57
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	57
PHỤ LỤC 3.....	58
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	58
PHỤ LỤC 4.....	59

*M. Uu*

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG .....	59
PHỤ LỤC 5 .....	65
GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ ỦY QUYỀN .....	65

*N*  
*Uca*

## I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);
2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;
3. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP;
4. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC;
5. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC;
6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC và Thông tư 18/2025/TT-BTC;
7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
9. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102/2025/TT-BTC;
10. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 20/2025/TT-BTC;
11. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
12. Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 74/2022/TT-BTC và Thông tư 64/2025/TT-BTC;
13. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan

## II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

“Quỹ”	Là Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank , một loại hình Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng và được thành lập theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan và Điều lệ Quỹ.
“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “VietinBank Capital”	Là Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK- GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/10/2010 và các giấy phép điều chỉnh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105059466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/10/2010 và các lần sửa đổi bổ sung, Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được uỷ thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
“Ngân hàng giám sát”	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Quyết định chấp thuận hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hằng năm tài sản của Quỹ phù hợp với pháp luật có liên quan.
“Điều lệ Quỹ”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quỹ
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức định kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan

“Ban đại diện Quỹ”	đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ
“Chứng chỉ Quỹ”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Giá phát hành”	Là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ
“Giá dịch vụ phát hành”	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ quỹ
“Giá mua lại”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ
“Giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ được quy định tại Điều lệ và được khấu trừ từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ
“Giá dịch vụ chuyển đổi”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi chuyển đổi giữa các Chứng chỉ Quỹ mở do cùng một công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chuyển đổi.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó

“Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV)”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được công bố công khai tại Bản cáo bạch
“Đại lý phân phối”	Là các công ty chứng khoán, Ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng và ký Hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ mở với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Đại lý ký danh”	Là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu Tư tại sở phụ.
“Người có liên quan”	Là những người được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
“UBCKNN”	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

# CHƯƠNG I

## CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

### **ĐIỀU 1. TÊN QUỸ VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**

- Tên quỹ: Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank
- Tên tiếng Anh: VietinBank Balanced Investment Fund
- Tên viết tắt: VBIF
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Địa chỉ liên hệ:
  - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
  - Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
  - Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26/10/2010 và các Giấy phép điều chỉnh.
  - Điện thoại: 02439388855
  - Website: www.vietinbankcapital.vn

### **ĐIỀU 2. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Việc thay đổi thời gian hoạt động của quỹ sẽ thực hiện theo nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank được tính từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ.

### **ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC CỦA QUỸ**

1. Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank là quỹ đại chúng dạng mở, hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ Quỹ đã được phát hành cho Nhà Đầu Tư theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà Đầu Tư.
4. Ban Đại diện Quỹ sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và thực hiện các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.
5. VietinBank Capital được chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank với mục đích cung cấp sản phẩm đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
6. Ngân hàng giám sát thực hiện việc bảo quản, lưu ký, giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng Giám sát do công ty quản lý quỹ lựa chọn, đề xuất và được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.

### **ĐIỀU 4. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ CHÀO BÁN**

1. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Việt Nam đồng).

2. Vốn Điều Lệ sẽ được chia thành tối thiểu 5.000.000 (năm triệu) Đơn Vị Quỹ.
3. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ sẽ là 10.000 VND (mười nghìn Việt Nam đồng).
4. Nhà Đầu Tư sẽ góp vốn bằng Đồng Việt Nam theo cách thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.
5. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Đơn Vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
6. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo lên UBCKNN.

#### **ĐIỀU 5. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ**

1. Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank chỉ định Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Capital) làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank.
2. Người đại diện theo pháp luật của VietinBank Capital là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank ra công chúng.

#### **ĐIỀU 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Tên tiếng Anh: VietinBank Fund Management Company Limited.
- Tên viết tắt: VietinBank FMC.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26/10/2010 và các Giấy phép điều chỉnh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105059466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/10/2010 và các lần sửa đổi bổ sung.
- Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.39388855
- Website: www.vietinbankcapital.vn
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).
- Thời hạn hoạt động: 50 năm.
- VietinBank Capital là công ty quản lý quỹ có 100% vốn sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank). Tại thời điểm cuối năm 2025, VietinBank Capital là một công ty quản lý quỹ hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán với tổng tài sản quản lý đạt hơn 1.200 tỷ đồng.

#### **ĐIỀU 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.
- Địa chỉ trụ sở chính: 74 phố Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.
- Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do

UBCKNN cấp.

- Điện thoại: 024-39411846

Fax: 024-39411847

## CHƯƠNG II

### CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

#### ĐIỀU 8. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank hướng tới tăng trưởng vốn ổn định thông qua việc đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm sự kết hợp hài hòa giữa cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định khác. Mục tiêu là mang lại hiệu suất sinh lời ổn định đi kèm mức rủi ro được kiểm soát, nhằm bảo vệ tài sản trước biến động thị trường đồng thời tạo cơ hội tăng trưởng bền vững cho nhà đầu tư.

#### ĐIỀU 9. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

##### 1. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank được xây dựng dựa trên việc phân bổ tài sản hợp lý giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định để đạt được sự cân đối giữa tăng trưởng và ổn định. Quỹ điều chỉnh tỷ trọng đầu tư theo diễn biến kinh tế và thị trường nhằm tận dụng cơ hội sinh lời, đồng thời hạn chế rủi ro khi thị trường biến động. Danh mục đầu tư của quỹ tập trung chủ yếu vào (1) Các cơ hội đầu tư cổ phiếu niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM. Danh mục tập trung vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có tiêu chuẩn quản trị tốt và minh bạch, có tiềm năng tăng trưởng tốt so với mặt bằng chung của ngành và so với thị trường chung, có nền tảng tài chính vững chắc và được định giá phù hợp, và (2) các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ trong điều kiện bình thường của thị trường.

Quỹ sử dụng phương pháp phân tích, kết hợp đánh giá rủi ro và theo dõi thị trường thường xuyên để lựa chọn tài sản phù hợp. Danh mục được rà soát định kỳ và tái cơ cấu khi cần thiết nhằm duy trì sự cân bằng với mục tiêu đầu tư và bảo vệ lợi ích dài hạn của nhà đầu tư.

##### 2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề pháp luật không cấm.

##### 3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu

doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC;

f) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

4. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- b) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- c) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
- d) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.

5. Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.

## ĐIỀU 10. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b, Khoản 3, Điều 9 Điều lệ này;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành quy định tại điểm a, b, Khoản 3, Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e Khoản 3, Điều 9 của Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
- e) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e, Khoản 3, Điều 9 của Điều lệ này. Trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ ba (03) năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 9 Điều lệ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và f Khoản 3, Điều 9 Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;
- g) Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại

- chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này mà được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i khoản 1, Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
  - b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
  - c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
  - d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
  - e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
3. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh danh mục đầu tư và bồi thường các tổn thất và thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Quỹ. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

#### **ĐIỀU 11. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY VÀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang

trái các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện lệnh thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

## **ĐIỀU 12. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ**

- Quỹ sẽ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ danh mục sẽ căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, ngành hưởng lợi, tiềm năng tăng trưởng và những rủi ro. Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này.
- Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom-Up Approach" trong việc lựa chọn từng cổ phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, tính minh bạch, sức khỏe tài chính, cũng như thực hiện định giá để tìm ra giá trị hợp lý của cổ phiếu đó. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này.

Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình thị trường, các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của Công ty quản lý quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Với phương pháp này Quỹ sẽ lựa chọn danh mục đầu tư bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá:  
Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý, cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.
- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ:  
Lựa chọn các công cụ nợ trên cơ sở đánh giá, xếp hạng tín dụng nội bộ, mức độ hấp dẫn của lợi tức và khả năng thanh khoản của trái phiếu, công cụ nợ đó.
- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu:  
Lựa chọn trái phiếu của các tổ chức phát hành có tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ cao, được xem xét cụ thể trên cơ sở nghiên cứu những yếu tố cơ bản của tổ chức phát hành.  
Lựa chọn trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán và trái phiếu

chính quyền địa phương được xem xét cụ thể trên cơ sở nhận định về xu hướng lãi suất và tính thanh khoản của các kỳ hạn khác nhau.

- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu: Quỹ sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom-Up Approach" trong việc lựa chọn từng cổ phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, tiềm năng tăng trưởng, tính minh bạch, sức khỏe tài chính, cũng như thực hiện định giá để tìm ra giá trị hợp lý của cổ phiếu đó.
- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác:  
Lựa chọn các tài sản đầu tư khác phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

### **CHƯƠNG III**

## **NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

#### **ĐIỀU 13. NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu Tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Bất kỳ việc đề cử, hủy bỏ hoặc thay thế đại diện này sẽ phải được thông báo cho Đại lý phân phối nơi Nhà Đầu Tư tổ chức mở tài khoản giao dịch và văn bản thông báo phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của Nhà Đầu Tư tổ chức đó.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng thành viên (HĐTV), Thành viên HĐTV, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Chủ tịch HĐTV, Thành viên HĐTV, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng chỉ Quỹ và trở thành Nhà Đầu Tư.

#### **ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Nhà Đầu Tư có quyền:
  - a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và hưởng lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
  - b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ (nếu có);
  - c) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư; tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
  - d) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa

- vụ, lợi ích ngang nhau;
- e) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
  - f) Được cử đại diện của mình vào Ban đại diện Quỹ tùy thuộc tỷ lệ góp vốn vào Quỹ;
  - g) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.
2. Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:
- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ;
  - b) Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư;
  - c) Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
  - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
  - b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
    - Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
    - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
  - c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
  - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc.
4. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
5. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư

bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

## **ĐIỀU 15. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập và quản lý sổ Đăng ký Nhà Đầu Tư chính (“Sổ chính”) hoặc đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý Sổ Đăng ký Nhà Đầu Tư phụ (“Sổ Phụ”) để xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng chỉ Quỹ. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Đại lý ký danh được mở; quản lý sổ phụ trên cơ sở hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ quản lý sổ phụ không được hạch toán vào Quỹ.

2. Sổ Chính, sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát; tên đầy đủ của Quỹ.

b) Thông tin về Nhà Đầu Tư bao gồm:

- Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu Tư, căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có);

- Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; tên đầy đủ, căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ của tổ chức đó.

c) Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Nhà Đầu Tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà Đầu Tư là Nhà Đầu Tư nước ngoài;

d) Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào sổ chính hoặc sổ phụ.

e) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu này được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật trong sổ chính.

## **ĐIỀU 16. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

1. Cơ chế chung về giao dịch chứng chỉ quỹ

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch nhưng

không ít hơn hai lần mỗi tháng.

b) Tần suất giao dịch của Quỹ:

- Chứng chỉ Quỹ được giao dịch 02 lần/tuần vào thứ Ba và thứ Năm hàng tuần.
- Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật.
- Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

c) Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ.

Lệnh mua/ bán/ chuyển đổi chỉ được thực hiện vào Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ (ngày T) nếu các lệnh này đã được Đại lý phân phối nhận trước Thời điểm đóng sổ lệnh của Ngày giao dịch đó. Các lệnh nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.

d) Thời điểm đóng sổ lệnh là mười bốn giờ bốn mươi lăm phút (14h45) tại ngày làm việc gần nhất trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (ngày (T-1)).

e) Nhà Đầu Tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối đã được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

f) Lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư chỉ được chấp nhận khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư qua internet, điện thoại, fax, Đại lý Phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:

- i. Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư;
- ii. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, thì phải xác nhận lại với Nhà Đầu Tư trước khi thực hiện, đồng thời yêu cầu Nhà Đầu Tư cung cấp phiếu lệnh gốc có chữ ký của Nhà Đầu Tư để lưu giữ bằng chứng chứng minh về việc đặt lệnh của Nhà Đầu Tư. Trường hợp đặt lệnh qua điện thoại hoặc fax, Nhà Đầu Tư phải bổ sung phiếu lệnh gốc trong vòng 07 ngày.

2. Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ

a) Lệnh mua của nhà đầu tư phải gửi kèm xác nhận việc nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của quỹ hoặc ngân hàng giám sát xác nhận với công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh. Việc xác nhận hoàn tất việc thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.

b) Việc thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ có thể thực hiện bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng hoặc nộp tiền vào tài khoản của Quỹ, đại lý ký danh tại Ngân hàng giám sát. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc

thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư.

- c) Giá trị mua chứng chỉ Quỹ lần đầu và các lần tiếp theo không thấp hơn giá trị mua tối thiểu là: 500.000 VND (năm trăm nghìn Việt Nam đồng).
- d) Số lượng chứng chỉ Quỹ được phân phối được tính bằng:  
*Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối = Số tiền đăng ký mua hợp lệ x (1 - Giá dịch vụ phát hành (%)) / Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch*
- e) Giá dịch vụ phát hành được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch và Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ.
- f) Số lượng đơn vị Quỹ được phân phối được làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- g) Xác nhận giao dịch được Đại lý phân phối chuyển tới Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời là xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng Đơn vị quỹ Nhà Đầu Tư mua được.
- h) Các trường hợp lệnh mua không hợp lệ, cách thức giải quyết chênh lệch tiền và quy trình nhận, thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
3. Lệnh bán Chứng chỉ quỹ
- a) Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là do Nhà Đầu Tư đó nắm giữ.
- b) Số tiền bán chứng chỉ Quỹ được tính bằng:  
*Số tiền bán chứng chỉ quỹ = Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại x NAV trên một Đơn vị quỹ tại Ngày giao dịch x (1 - Giá dịch vụ mua lại (%))*
- c) Số tiền Nhà Đầu Tư nhận được sẽ bằng Số tiền bán trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).
- d) Giá dịch vụ mua lại được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch và Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ.
- e) Xác nhận giao dịch: được Đại lý Phân phối chuyển tới Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.
- f) Thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ: thời hạn thanh toán trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+5). Trong trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 17 Điều lệ Quỹ này và Bản cáo bạch và sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- g) Tiền bán chứng chỉ quỹ được quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định.
- h) Các trường hợp lệnh bán không hợp lệ, cách thức giải quyết và quy trình nhận, thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- i) Trong một số trường hợp, Công Ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục

đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Chỉ thực hiện khi Công Ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ và phải báo cáo Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất;
- Được Nhà Đầu Tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
- Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá năm mươi (50) tỷ đồng;
- Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà Đầu Tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản này.

#### 4. Lệnh chuyển đổi

- Nhà Đầu Tư có thể thực hiện việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ mở khi Công Ty Quản lý Quỹ có từ hai (02) quỹ mở trở lên.
- Nhà Đầu Tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu.
- Nguyên tắc thực hiện giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ mở và thủ tục thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
- Công Ty Quản lý Quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định, các thủ tục liên quan cho việc chuyển đổi quỹ và thông tin cụ thể đến Nhà Đầu Tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản lý Quỹ và hệ thống đại lý phân phối.

#### 5. Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

- Việc cho, biếu, tặng, thừa kế Chứng chỉ Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật. Quỹ chỉ chấp nhận người thụ hưởng hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc cho, biếu, tặng, thừa kế... hoặc người thụ hưởng.
- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại Chứng chỉ Quỹ cho một cá nhân/tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.
- Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
- Nhà Đầu Tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
- Nhà Đầu Tư không phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công Ty Quản lý Quỹ.
- Nhà Đầu Tư /người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

#### 6. Nhà Đầu Tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây

gọi là “SIP”). Theo đó, Nhà Đầu Tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Chứng chỉ Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh, các loại Giá dịch vụ của giao dịch áp dụng đối với chương trình SIP sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch Quỹ.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở mà Công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác theo Điều lệ này.

#### **ĐIỀU 17. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

- b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư dẫn tới:

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
- Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
- Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
- Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.

- c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:

- Tính thanh khoản của thị trường thấp;
- Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Trong trường hợp thực hiện lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi chỉ được đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối như sau:

Nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.

3. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu

do nguyên nhân bất khả kháng;

- b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
  - c) Các sự kiện khác do UBCKNN xét thấy là cần thiết.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 3 Điều này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
  5. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
  6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
  7. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.

#### **ĐIỀU 18. GIÁ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU, GIÁ PHÁT HÀNH, GIÁ MUA LẠI**

1. Giá phát hành lần đầu là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua một đơn vị quỹ trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, được tính bằng mệnh giá của một đơn vị quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành.
2. Giá phát hành các lần tiếp theo là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua một đơn vị quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo.
3. Giá mua lại một đơn vị quỹ là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có).
4. Giá bán một đơn vị quỹ, là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ, bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).
5. Giá dịch vụ phát hành là số tiền dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ và không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch.
6. Giá dịch vụ mua lại là số tiền dịch vụ Nhà Đầu Tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ cho Quỹ và được khấu trừ khi Quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư. Giá dịch vụ mua lại được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ và không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị bán thực hiện được.

7. Giá dịch vụ chuyển đổi là số tiền dịch vụ Nhà Đầu Tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ chuyển đổi thực hiện được. Nhà Đầu Tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ phát hành khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ và không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.
8. Các mức giá dịch vụ quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này sẽ được công bố cụ thể tại Bản cáo bạch quỹ, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối. Ngân hàng giám sát sẽ chuyển trả trực tiếp các loại giá dịch vụ này cho Công Ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối theo chỉ thị thanh toán của Công Ty Quản lý Quỹ. Mức giá trả cho Đại lý phân phối được tính bởi tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan căn cứ trên Hợp đồng Đại lý phân phối được ký giữa Công Ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.
9. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức tối đa quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

#### **ĐIỀU 19. THỪA KẾ CHỨNG CHỈ QUỸ**

1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

#### **ĐIỀU 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ**

Giá trị Chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hoặc giảm xuống. Trong trường hợp Giá trị tài sản ròng giảm xuống dưới ba mươi (30) tỷ Đồng Việt Nam, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục trong thời hạn ba (03) ngày làm việc. Trong trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ Đồng Việt Nam liên tục trong sáu (06) tháng, Quỹ bị giải thể theo quy định tại Điều 67 Điều lệ này.

### **CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

#### **ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Đại hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản lý Quỹ triệu tập. Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được

triệu tập họp thường niên hoặc bất thường. Trường hợp buộc phải tổ chức họp tập trung để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ này, việc họp Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn (bốn) 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá (sáu) 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

## **ĐIỀU 22. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ BẤT THƯỜNG**

1. Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường được triệu tập trong những trường hợp sau:
  - a) Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
  - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành;
2. Việc tổ chức Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường của Đại hội Nhà Đầu Tư, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký đầy đủ của các Nhà Đầu Tư liên quan.
3. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2 điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

## **ĐIỀU 23. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát; thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;
4. Phương án phân phối lợi tức;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên của Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho quỹ;

7. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà Đầu Tư;
8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

#### **ĐIỀU 24. ĐIỀU KIỆN, HÌNH THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Chương trình, nội dung dự kiến và các tài liệu liên quan của Đại hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và gửi UBCKNN tối thiểu ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.
2. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ này.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
4. Nhà đầu tư có thể tham gia đại hội bằng một trong các hình thức sau:
  - a) Trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư; hoặc
  - b) Ủy quyền bằng văn bản (bao gồm cả văn bản ủy quyền được đính kèm theo thông báo gửi đến Công ty quản lý quỹ bằng thư điện tử hoặc thư bảo đảm hoặc fax, hoặc văn bản ủy quyền được Nhà đầu tư ký bằng chữ ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật) cho người khác tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó việc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định pháp luật về ủy quyền và người được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền hợp lệ cho ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp; hoặc
  - c) Thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định hiện hành.
5. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc các hình thức biểu quyết điện tử khác được quy định từng thời điểm, trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ này.
6. Đại hội Nhà Đầu Tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên ban đại diện quỹ còn lại bầu một người trong số họ chủ trì đại hội; trường hợp không có người có thể làm chủ trì thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra sẽ chủ trì đại hội.
7. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.
8. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, hoặc hình thức điện tử khác phù hợp quy định pháp luật theo nguyên tắc



Công ty quản lý quỹ gửi các ý kiến cần thông qua dưới hình thức bản in, bản điện tử hoặc bất cứ hình thức hợp pháp nào khác tới tất cả Nhà đầu tư và lấy ý kiến của Nhà đầu tư.

a) Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các công việc sau:

i. Quyết định danh mục các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến;

ii. Phát hành phiếu lấy ý kiến có nội dung như sau:

- Tên Quỹ;
- Lý do lấy ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến;
- Thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;
- Lựa chọn biểu quyết gồm: “nhất trí”, “không nhất trí” và “không có ý kiến”.

iii. Gửi phiếu lấy ý kiến cùng tài liệu liên quan đến tất cả các Nhà đầu tư có quyền dự họp Đại hội Nhà đầu tư tối thiểu mười (10) ngày làm việc trước thời hạn cuối cùng phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;

iv. Lập ban kiểm phiếu, trong đó phải có đại diện của Ngân hàng giám sát để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu. Biên bản, Nghị quyết đại hội được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

b) Nhà đầu tư gửi phiếu lấy ý kiến tới Công ty quản lý quỹ theo các hình thức sau:

i. Nhà đầu tư gửi qua bưu điện, hoặc gửi trực tiếp phiếu lấy ý kiến tới địa chỉ của Công ty quản lý quỹ, Phiếu lấy ý kiến phải được gửi trong phong bì dán kín; hoặc

ii. Nhà đầu tư gửi bằng thư điện tử từ địa chỉ email của Nhà đầu tư đã đăng ký với Công ty quản lý quỹ, đính kèm bản scan hoặc bản chụp phiếu lấy ý kiến có chữ ký (đối với Nhà đầu tư cá nhân); và chữ ký, dấu (đối với Nhà đầu tư tổ chức) của Nhà đầu tư.

c) Phiếu lấy ý kiến hợp lệ:

Phiếu lấy ý kiến được xem là hợp lệ nếu thỏa mãn các yếu tố sau:

i. Phiếu lấy ý kiến do Công ty quản lý quỹ gửi đến Nhà đầu tư hoặc theo mẫu do Công ty quản lý quỹ đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ;

ii. Phiếu lấy ý kiến không bị tẩy xóa, sửa chữa, thay đổi nội dung;

iii. Phiếu lấy ý kiến được ký bởi Nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ quỹ (nếu là Nhà đầu tư cá nhân); ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư và đóng dấu (nếu là Nhà đầu tư tổ chức). Chữ ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật của Nhà đầu tư được chấp nhận;

iv. Phiếu lấy ý kiến được gửi về cho Công ty quản lý quỹ đúng thời hạn lấy ý kiến như theo thông báo của Công ty quản lý quỹ;

v. Đối với hình thức gửi bằng bưu điện hoặc gửi trực tiếp, phiếu lấy ý kiến được đựng trong phong bì dán kín, và không bị mở trước khi thực hiện kiểm phiếu. Đối với hình thức gửi bằng thư điện tử, phiếu lấy ý kiến được gửi từ địa chỉ email của Nhà đầu tư đã đăng ký với Công ty quản lý quỹ, đính kèm bản scan hoặc bản chụp phiếu lấy ý

kiến có chữ ký (đối với Nhà đầu tư cá nhân); và chữ ký, dấu (đối với Nhà đầu tư tổ chức) của Nhà đầu tư;

vi. Đối với từng nội dung lấy ý kiến, Nhà đầu tư chỉ đánh dấu duy nhất một lựa chọn: “nhất trí”, hoặc “không nhất trí”, hoặc “không có ý kiến”.

d) Không tham gia biểu quyết:

Các trường hợp sau đây được coi là Nhà đầu tư không tham gia biểu quyết:

- i. Phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư đã đăng ký với Công ty quản lý quỹ nhưng bị hoàn trả về theo quy định của bưu điện do địa chỉ Nhà đầu tư đăng ký không chính xác, hoặc không có người nhận thư; hoặc phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến địa chỉ email đã đăng ký của Nhà đầu tư nhưng việc gửi này được báo không thành công trên hệ thống của Công ty quản lý quỹ;
- ii. Phiếu lấy ý kiến được gửi về Công ty quản lý quỹ theo đúng địa chỉ nhưng sau thời hạn lấy ý kiến;
- iii. Phiếu lấy ý kiến không được Nhà đầu tư gửi về được xem như Nhà đầu tư không tham gia biểu quyết.

## **ĐIỀU 25. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức biểu quyết khác phù hợp với quy định hiện hành.
3. Trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư biểu quyết tán thành.
5. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
  - a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
  - b) Chia, tách, sáp nhập quỹ, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ.
  - c) Quyết định các nội dung này tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết

định của Đại hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi thông qua quyết định của đại hội Nhà Đầu Tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức khác tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lập biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu Tư gửi cho UBCKNN, Ngân hàng giám sát, cung cấp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

## **ĐIỀU 26. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu Tư về một số các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 23 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác của Công Ty Quản Lý Quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng xác định tại ngày họp Đại hội Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

## **CHƯƠNG V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

### **ĐIỀU 27. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

1. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:
  - a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có

- liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
- b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
  - c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ: thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
2. Ban Đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
  3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
    - a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
    - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
    - c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
  4. Ban Đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
  5. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  6. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này, hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho đến khi Đại hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
  7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
  8. Các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được hưởng thù lao và được thanh toán các chi phí và phí tổn hợp lý để trang trải cho việc đi dự các phiên họp của Ban Đại diện Quỹ hoặc các chi

phí và phí tồn hợp lý khác vì mục đích công việc của Quỹ. Đại hội Nhà Đầu Tư quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban đại diện Quỹ.

9. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của Chủ tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **ĐIỀU 28. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
  - a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
  - b) Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
  - c) Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu.
2. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
  - a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
  - b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
3. Trong trường hợp người được đại diện theo uỷ quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức là thành viên Ban đại diện quỹ, việc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đó của Nhà Đầu Tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên của Ban đại diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm đại diện theo uỷ quyền mới của Nhà Đầu Tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được Đại hội Nhà Đầu Tư bầu theo quy định tại Điều lệ này.

## **ĐIỀU 29. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của quỹ và Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ; danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 2 Điều 10 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.
3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo Phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua; thông qua thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
4. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
5. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của

pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

6. Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quỹ đại chúng.

### **ĐIỀU 30. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

1. Đại hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
  - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
  - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

### **ĐIỀU 31. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

### **ĐIỀU 32. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BÀU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà đầu tư miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nếu có một trong trong các trường hợp sau:
  - a. Không đủ hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này;
  - b. Có đơn từ chức và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà đầu tư bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nếu có một trong các trường hợp sau:
  - a) Thuộc vào các trường hợp không được đảm nhiệm chức danh thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
  - b) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban đại diện Quỹ trong hai (02) kỳ họp Ban đại diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;

- c) Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 28 của Điều lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của pháp luật để thực hiện vai trò thành viên Ban đại diện Quỹ; hoặc
  - d) Bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban đại diện Quỹ;
  - e) Vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
3. Thành viên Ban đại diện Quỹ muốn từ chức phải có đơn xin từ chức gửi Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm trình đơn xin từ chức đó để Đại hội Nhà đầu tư xem xét, quyết định. Việc từ chức của thành viên Ban đại diện Quỹ chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, tuy nhiên thành viên Ban đại diện Quỹ không được hưởng thù lao khi không thực hiện nhiệm vụ.
4. Ban đại diện quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau:
- a) Số lượng thành viên bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Quỹ;
  - b) Số lượng thành viên độc lập giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
  - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội Nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **ĐIỀU 33. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

- 1. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
- 2. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
- 3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 4. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên. Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua.
- 5. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
- 6. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công Ty Quản Lý Quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
- 7. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp

phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

## CHƯƠNG VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### **ĐIỀU 34. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
- b) Không phải là người có liên quan của Ngân hàng giám sát.
- c) Có đầy đủ cơ sở vật chất và nhân sự để thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ mở.
- d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

### **ĐIỀU 35. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều lệ này và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;
- b) Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;
- c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:

i. Ký hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;

Trong trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và phải cung cấp đầy đủ thông tin về tài khoản tiền gửi, các hợp đồng tiền gửi cho Ngân hàng giám sát để định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay và cung cấp các hợp đồng đó cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu của Ngân hàng giám sát (nếu có);

Trường hợp đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ đăng ký cổ động hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

ii. Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác mà Công ty quản lý quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty quản lý quỹ; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu

- tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
- iii. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của khách hàng ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi.
- iv. Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
- v. Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; các giao dịch này chỉ được thực hiện sau khi được chấp thuận bởi Đại hội Nhà đầu tư và/hoặc Ban đại diện Quỹ và các chủ thể khác theo quy định của pháp luật và được thông báo đầy đủ thông tin liên quan theo quy định của pháp luật;
- vi. Phân công tối thiểu 02 người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.
- d) Trong hoạt động quản trị quỹ, công ty quản lý quỹ phải có trách nhiệm bảo đảm:
- i. Thực hiện việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật và Điều lệ này;
- ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà đầu tư;
- iii. Công ty quản lý quỹ được uỷ quyền hoạt động quản trị Quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động đã uỷ quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này;
- e) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát;
- f) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ này thì Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư và chịu mọi chi phí phát sinh liên

quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;

- g) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ. Sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật có liên quan và tại Điều lệ này;
- h) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:
  - (i) Giá trị giao dịch trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ; và
  - (ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ. Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ đó được thành lập.
- i) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu;
- j) Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
  - (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty quản lý quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty quản lý quỹ;
  - (ii) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác, bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
  - (iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty quản lý quỹ với các hoạt động quản lý Quỹ;
- k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ và theo quy định tại Điều lệ này.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:

- a) Được hưởng các khoản Giá dịch vụ quản lý quỹ như quy định tại Điều Lệ này phù hợp với quy định pháp luật;
- b) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
- c) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công

- ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ ký hợp đồng với các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cho Quỹ bao gồm (nhưng không giới hạn bởi) hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối, hợp đồng cung cấp dịch vụ chuyển nhượng với Đại lý chuyển nhượng;
  - e) Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ;
  - f) Tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;
  - g) Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
  - h) Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch của Quỹ và pháp luật;
  - i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **ĐIỀU 36. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
  - a) Theo đề nghị của Ban đại diện Quỹ và đã được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận;
  - b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - c) Sáp nhập hoặc hợp nhất với một công ty quản lý quỹ khác;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công Ty Quản Lý Quỹ phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.
3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với quỹ. Sau khi được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ:  
Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản chi phí bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) theo tỷ lệ như sau:

Chi phí bồi thường	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3% NAV	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5% NAV	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân theo báo cáo NAV của 52 tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ được Ngân hàng Giám sát xác nhận.

### **ĐIỀU 37. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, chủ tịch HĐQT, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư quyết định khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác theo quy định tại Điều lệ này.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được mua hoặc bán các tài sản trong danh mục tài sản của quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
  - a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
  - b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
4. Thành viên ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
5. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
  - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
  - b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
  - c) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ

- chức mà thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
- d) Không được sử dụng tài sản của quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác;
- e) Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
- f) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
6. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
- b) Công quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

## **CHƯƠNG VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

### **ĐIỀU 38. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Ngân hàng Giám sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty Quản lý quỹ mà ngân

hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

3. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là Người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại.
4. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
5. Đáp ứng điều kiện về nhân sự và năng lực để thực hiện dịch vụ giám sát, lưu ký của Quỹ.
6. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

### **ĐIỀU 39. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát:

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng giám sát;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- e) Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một công ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và những tài sản của Ngân hàng Giám sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua

lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;

- l) Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền thực hiện;
  - m) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng Nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi (nếu có);
  - n) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
  - o) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản giá dịch vụ, phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.
2. Quyền của Ngân hàng Giám sát
- a) Ngân hàng Giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
  - b) Tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ nhưng không có quyền biểu quyết; cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ, các cuộc họp Ban đại diện quỹ.
  - c) Được quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để đảm bảo rằng Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Hợp đồng Giám sát, Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.
  - d) Các quyền khác theo quy định Pháp luật và Điều lệ này.

#### **ĐIỀU 40. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:
  - a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này;
  - b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp

luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
  - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;
  - e) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;
  - f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.
2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
  3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
  4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.
  5. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
  6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát gửi

thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại điều lệ quỹ.

7. Cơ chế phối hợp giữa Ngân hàng giám sát và Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc rà soát hoạt động của Đại lý chuyên nhượng thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên, trong đó bảo đảm trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 41. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
  - a) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
  - b) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt hợp đồng lưu ký, Hợp đồng giám sát với Quỹ;
  - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chia, bị tách;
  - d) Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp thay đổi ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký, quỹ thông qua công ty quản lý quỹ báo cáo UBCKNN và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với quỹ cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thay thế. Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thay thế phải lập và gửi UBCKNN biên bản bàn giao giữa hai ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký có xác nhận của công ty quản lý quỹ và Ban đại diện quỹ.
3. Trường hợp ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.

### **CHƯƠNG VIII CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

#### **ĐIỀU 42. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư như sau:
  - a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
  - b) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
  - c) Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;

- d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng như sau:
- a) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
- b) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư;
- d) Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện Quỹ, đại hội Nhà Đầu Tư của quỹ; Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại lý Phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- e) Cung cấp cho Nhà Đầu Tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- f) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

#### **ĐIỀU 43. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

1. Tiêu chí chung
- a) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- b) Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.
2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

#### **ĐIỀU 44. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền: Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.
2. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu: Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do

luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

#### **ĐIỀU 45. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN**

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.;
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ; Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này; Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
4. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;
6. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
7. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;

#### **ĐIỀU 46. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN**

1. Bên nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
  - a) Bên nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
  - b) Bên nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
  - c) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;

- d) Theo đề nghị của Đại hội Nhà Đầu Tư;
  - e) Quỹ bị giải thể;
  - f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư;
  - g) Bên nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
  - h) Bên nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty quản lý quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty quản lý quỹ chỉ định phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo việc chấm dứt hoạt động ủy quyền đến Nhà đầu tư.

## **CHƯƠNG IX**

### **ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI**

#### **ĐIỀU 47. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ**

1. Đại lý phân phối của Quỹ là các công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản lý Quỹ;
2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.
3. Công Ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 11 Điều 78 Thông tư 136/2025/TT-BTC. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

#### **ĐIỀU 48. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI**

1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:
  - a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ

khủng bố;

- b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
  - c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của Nhà Đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
  - d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;
  - e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
  - f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
2. Hoạt động của đại lý ký danh bao gồm:
- a) Thực hiện chức năng đại lý phân phối quy định tại khoản 1 Điều này đối với nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của nhà đầu tư;
  - b) Lập và quản lý sổ phụ đối với nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
  - c) Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ nhà đầu tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;
  - d) Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của đại lý phân phối quy định tại

Thông tư này.

#### **ĐIỀU 49. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ**

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.
5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ. Đại lý phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ.

Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ, phí đã được công bố

- tại các bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
7. Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.
  8. Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.
  9. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.
  10. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.
  11. Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo:
    - a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
    - b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;
    - c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;
    - d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;
    - e) Đảm bảo nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;
    - f) Tuân thủ hoạt động phân phối theo quy định của pháp luật;
    - g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này;
    - h) Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.

12. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối.

#### **ĐIỀU 50. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI**

1. Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ bị chấm dứt hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ trong các trường hợp sau:
- Tự nguyện chấm dứt hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ;
  - Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ;
  - Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.

Trường hợp đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối hoặc hợp đồng phân phối hết hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho nhà đầu tư đồng thời chỉ định đại lý phân phối thay thế (nếu có).

2. Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:
- Theo quyết định của đại lý phân phối;
  - Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;
  - Địa điểm phân phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định;
  - Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.

Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều này, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công ty quản lý quỹ và nhà đầu tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

### **CHƯƠNG X**

#### **KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

#### **ĐIỀU 51. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN**

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất một (01) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà Đầu Tư lựa chọn.

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
- Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
- Được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

#### **ĐIỀU 52. NĂM TÀI CHÍNH**

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

### **ĐIỀU 53. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

### **ĐIỀU 54. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, bán niên và năm theo quy định về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Báo cáo tài chính bán niên/báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

### **ĐIỀU 55. BÁO CÁO KHÁC**

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

## **CHƯƠNG XI**

### **PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ**

#### **ĐIỀU 56. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ và được Ngân hàng Giám sát xác nhận phù hợp với quy định Pháp luật Chứng khoán và Điều lệ này.
3. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ của quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
4. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát và Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh trong thời hạn

hai mươi bốn (24) giờ. Đồng thời, phải thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý, và nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

5. Trong thời hạn tối đa ba (03) Ngày làm việc kể từ Ngày định giá đối với báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng định kỳ hàng tuần, Công ty quản lý quỹ phải nộp báo cáo này cho UBCKNN và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Việc công bố Giá trị tài sản ròng của Quỹ cho Nhà đầu tư được thực hiện muộn nhất vào Ngày làm việc tiếp theo của Ngày định giá.
7. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu Tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát và theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

#### **ĐIỀU 57. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BÁO GIÁ**

1. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức cung cấp báo giá:
  - a) Công ty quản lý quỹ lựa chọn danh sách tổ chức cung cấp báo giá, tối thiểu gồm ba (03) tổ chức;
  - b) Việc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá chỉ phục vụ cho việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ;
  - c) Danh sách tổ chức cung cấp báo giá do Công ty quản lý quỹ đề xuất và được Ban đại diện Quỹ thông qua.
2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp báo giá:
  - a) Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
  - b) Các hệ thống báo giá trái phiếu;
  - c) Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
3. Thay đổi tổ chức cung cấp báo giá, chấm dứt cung cấp dịch vụ báo giá trong các trường hợp sau:
  - a) Theo đề nghị của tổ chức cung cấp báo giá;
  - b) Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ;
  - c) Tổ chức cung cấp báo giá không còn đáp ứng tiêu chí là tổ chức cung cấp báo giá.

#### **ĐIỀU 58. NGUYÊN TẮC, QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ được quy định tại phụ lục 4 của Điều lệ này và cụ thể tại sổ tay định giá, đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định pháp luật quỹ đầu tư chứng khoán. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ đồng ý và thông báo kịp thời tới Ngân hàng giám sát.

Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ uỷ quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc

xác định Giá trị tài sản ròng thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định Giá trị tài sản ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật và Giá trị Tài sản ròng được tính chính xác.

#### **ĐIỀU 59. ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ**

1. Quỹ, Nhà Đầu Tư được đền bù thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ 1,00% Giá trị tài sản ròng trở lên.

Trường hợp giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt tới các mức quy định trên, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng phương án khắc phục, đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư theo trình tự sau:

- a) Xác định lại giá trị tài sản ròng tại các kỳ định giá sai vượt mức;
  - b) Xác định các khoản đền bù cho quỹ, nhà đầu tư tại các kỳ định giá sai. Công ty quản lý quỹ không phải đền bù cho những nhà đầu tư thiệt hại ít hơn 100.000 đồng nhưng toàn bộ khoản tiền thanh toán của công ty quản lý quỹ phải được đưa vào quỹ, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư quyết định khác;
  - c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày định giá lại giá trị tài sản ròng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN về phương án đền bù thiệt hại cho quỹ, Nhà Đầu Tư trong đó nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của quỹ, mức độ thiệt hại của các Nhà Đầu Tư, kèm theo danh sách các Nhà Đầu Tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù và mức đền bù của từng Nhà Đầu Tư.
  - d) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày báo cáo UBCKNN, công ty quản lý quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho quỹ và Nhà Đầu Tư chịu thiệt hại với các mức thanh toán theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
- a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ Nhà Đầu Tư đã bán;
  - b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện vẫn còn đang lưu hành.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
- a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
  - b) Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.
4. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí đền bù cho quỹ và nhà đầu tư. Chi phí đền bù cho nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này được hạch toán vào quỹ nếu được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

## CHƯƠNG XII

### GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

#### ĐIỀU 60. GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ, GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ, GIÁM SÁT

##### 1. Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ

- a) Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.

*Giá dịch vụ quản lý Quỹ: 1,5% NAV/năm.*

Giá dịch vụ Quản lý Quỹ có thể tăng khi được Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua.

Tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ và các chi phí khác mà Quỹ chi trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

- b) Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

*Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = 1,5% \* NAV tại ngày định giá \* số ngày thực tế trong kỳ định giá/số ngày thực tế trong năm (365 ngày hoặc số ngày thực tế khác).*

##### 2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát

- a) Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ tại ngày định giá. Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát được quy định chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm.

- b) Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo công thức như sau:

*Giá dịch vụ lưu ký, giám sát = Mức giá áp dụng \* NAV tại ngày định giá \* số ngày thực tế trong kỳ định giá/số ngày thực tế trong năm (365 ngày hoặc số ngày thực tế khác)*

- c) Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

- d) Mức Giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của pháp luật hiện hành.

- e) Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh...

#### ĐIỀU 61. THU NHẬP CỦA QUỸ

Quỹ có những khoản thu nhập sau:

1. Cổ tức;
2. Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi;
3. Lãi trái phiếu hoặc các sản phẩm có thu nhập cố định khác;
4. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
5. Các khoản thu nhập khác.

#### ĐIỀU 62. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát như quy định tại Điều 60 Điều lệ này.

##### 2. Giá dịch vụ quản trị Quỹ

- a) Giá dịch vụ quản trị quỹ được thanh toán hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ để thực

hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá. Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ được quy định chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm.

- b) Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:  
*Giá dịch vụ quản trị quỹ = Mức giá áp dụng \* NAV tại ngày định giá \* số ngày thực tế trong kỳ định giá/số ngày thực tế trong năm (365 ngày hoặc số ngày thực tế khác)*
- c) Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.
3. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng để thực hiện các Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.  
Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

### **ĐIỀU 63. CHI PHÍ KHÁC**

1. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
2. Chi phí trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ.
3. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.
4. Chi phí thù lao trả cho Ban đại diện Quỹ.
5. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; Chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ.
6. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
7. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ pháp lý khác.
8. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.
9. Các loại thuế, phí khác theo quy định của pháp luật.

### **ĐIỀU 64. PHÂN CHIA LỢI TỨC CỦA QUỸ**

1. Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi tức của Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi tức phân phối được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi tức khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi tức đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Hình thức phân chia lợi tức bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi tức bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp nhận trước Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp nhận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ).
3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi tức cho Nhà Đầu Tư.
4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
  - a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);

- b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
  - c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);
  - d) Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
  - e) Các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của Quỹ.
5. Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng đơn vị quỹ. Chỉ những Nhà Đầu Tư được ghi trong danh sách Nhà Đầu Tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu Tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

### **CHƯƠNG XIII**

#### **TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ**

#### **ĐIỀU 65. HỢP NHẤT, SÁP NHẬP QUỸ**

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

#### **ĐIỀU 66. CHIA, TÁCH QUỸ MỞ**

1. Việc chia, tách quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
2. Việc chia, tách quỹ phải được UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình chia, tách Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật.

#### **ĐIỀU 67. GIẢI THỂ QUỸ**

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
  - a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
  - b) Công Ty Quản Lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
  - c) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
  - d) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;
  - e) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
  - f) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư;
  - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

**CHƯƠNG XIV**  
**GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH**

**ĐIỀU 68. KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ VÀ CÁC QUỸ KHÁC, CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ ỦY THÁC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ GIỮA QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
  - a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
  - b) Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

**CHƯƠNG XV**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ**

**ĐIỀU 69. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Việc công bố thông tin thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
  - a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc
  - b) các Phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Trong trường hợp Nhà đầu tư yêu cầu, Công ty Quản lý quỹ phải gửi thông kê giao dịch, số dư tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà đầu tư.
3. 3. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của Quỹ hàng tháng, bán niên, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống đại lý phân phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**ĐIỀU 70. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

1. Điều lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng Nghị Quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ.
2. Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với:
  - a) Bất cứ nội dung nào của Điều lệ này nếu việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi quy định của pháp luật: Khi các quy định của pháp luật thay đổi làm bất cứ nội dung nào trong Điều lệ này có thay đổi theo, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi nội dung

có liên quan đó mà không cần phải có nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư.

b) Chính sửa lỗi chính tả, văn phạm, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều lệ đã được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết.

3. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 2 của Điều này sẽ phải báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

#### **ĐIỀU 71. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 72. ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ**

1. Điều lệ này gồm 15 Chương, 72 Điều và 05 Phụ lục.
2. Các Nhà Đầu Tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này.
3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người đại diện hợp pháp của Công ty quản lý quỹ.
4. Điều lệ này được lập thành 03 (ba) bản có giá trị như nhau:
  - a) 01 (một) bản để báo cáo với UBCKNN;
  - b) 01 (một) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và
  - c) 01 (một) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.

Đính kèm cùng Điều lệ này các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

PHỤ LỤC 5: GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ, GIÁM SÁT VÀ QUẢN TRỊ QUỸ

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ**

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



**NGUYỄN HỒNG ĐỨC**

**Chức vụ: Tổng Giám đốc**

**PHỤ LỤC 1**  
**CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 26/10/2010 và các Giấy phép điều chỉnh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105059466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/10/2010 và các lần sửa đổi bổ sung.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với các mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư;
3. Đảm bảo rằng Quỹ luôn có Ngân hàng Giám sát tại mọi thời điểm;
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
  - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
  - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
  - c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ;
  - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ Hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản

lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ  
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



**NGUYỄN HỒNG ĐỨC**

**Chức vụ: Tổng Giám đốc**

*M. H.*

**PHỤ LỤC 2**  
**CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành**

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp.

Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**  
**- CHI NHÁNH HÀ THÀNH**



**NGUYỄN MẠNH CƯỜNG**

**Chức vụ: Phó Giám đốc**

### PHỤ LỤC 3

## CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

**Công ty quản lý quỹ:** Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26/10/2010 và các Giấy phép điều chỉnh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105059466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/10/2010 và các lần sửa đổi bổ sung.

**Ngân hàng giám sát:** Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Cường

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Đức

## PHỤ LỤC 4

### PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

#### 1. Phạm vi áp dụng

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng này là một phần không thể thiếu cùng với các tài liệu Quỹ khác (Điều Lệ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt) của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng được xây dựng để hướng dẫn cho việc định giá các tài sản trong danh mục của Quỹ tại các ngày định giá của Quỹ trong quá trình hoạt động, nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về thành lập và quản lý Quỹ mở.

#### 2. Nguyên tắc chung của việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ:

Việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- Định giá tài sản trên nguyên tắc định giá thị trường, phản ánh sát nhất với giá trị của các tài sản và khả năng thực hiện các giao dịch của Quỹ.
- Việc định giá phải đảm bảo được thực hiện theo các quy định, quy trình, nguyên tắc, phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ, quy định tại Sổ Tay Định Giá cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thị trường Việt Nam. Việc thay đổi nguyên tắc, phương pháp định giá để phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam sẽ được Công ty Quản lý Quỹ đề xuất lên cấp có thẩm quyền thông qua phù hợp theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

#### 3. Ngày định giá

- Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và điều lệ Quỹ.
- Ngày định giá là Ngày giao dịch và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm.
- Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận việc xác định Giá trị Tài sản ròng và Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ, Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ sẽ được công bố công khai cho Nhà đầu tư theo quy định hiện hành.

#### 4. Tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

##### 4.1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
- Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
- Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.

##### 4.2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá khi có một trong những tiêu chí sau:

- Khi Công ty Quản lý quỹ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
- Công ty chứng khoán đang báo giá trở thành người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

## 5. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

### 5.1. Giá trị tài sản tài chính

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động với mức giới hạn chênh lệch được quy định tại Điều lệ quỹ, là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul> <p><b>Ghi chú:</b></p> <p><b>(*) Giới hạn chênh lệch:</b></p> <p><i>Áp dụng cho Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương:</i></p> <p><i>Giới hạn chênh lệch được hiểu là lãi suất chiết khấu của kỳ định giá có biến động tăng giảm từ 0,5% trở lên so với kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA (lãi suất này được xác định theo phương pháp</i></p>

		<p><i>nội suy tuyến tính) (đối với trái phiếu chính phủ) và biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ được bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) so với lãi suất chiết khấu của kỳ định giá gần nhất</i></p> <p><i>- Áp dụng cho Trái phiếu doanh nghiệp: Giới hạn chênh lệch được hiểu là Giá áp dụng của kỳ định giá biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với Trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất</i></p> <p><i>- Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên.</i></p> <p><i>Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.</i></p> <p><i>- Đối với trái phiếu hủy niêm yết: Tại ngày hủy niêm yết và sau ngày hủy niêm yết, giá trái phiếu là một trong các mức giá được xác định theo các tiêu chí tại mục Trái phiếu không niêm yết.</i></p>
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:</li> </ul>

	chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	+ Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
<b>Chứng chỉ quỹ</b>		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được

		công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
<b>Các tài sản khác</b>		
17.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
18.	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

*Ghi chú:*

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam, ...) để tham khảo.
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

**6. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ**

- Giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ được xác định bằng Tổng giá trị tài sản trừ đi Tổng nợ phải trả của Quỹ.
- Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài

sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá (bao gồm các khoản phải trả mua chứng khoán, phí quản lý, phí lưu ký, phí môi giới, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có],...).

$$NAV = \text{Tổng tài sản có của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của Quỹ}$$

- Giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ): bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

$$NAV \text{ trên một đơn vị quỹ} = \frac{\text{Giá trị tài sản ròng của Quỹ}}{\text{Tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành}}$$

- Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán kiểm toán và được làm tròn xuống đến 2 chữ số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ.

## 7. Quy trình định giá

- Vào Ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị chứng chỉ Quỹ theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Mục 5 & 6.
- Đối với giá chứng khoán chưa niêm yết: Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện lấy giá từ Tổ chức cung cấp báo giá trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được chuyển cho Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.

- Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát và Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Đồng thời, phải thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý, và nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
- Trong thời hạn tối đa ba (03) Ngày làm việc kể từ Ngày định giá đối với báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng định kỳ hàng tuần, Công ty quản lý quỹ phải nộp báo cáo này cho UBCKNN và công bố thông tin trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý phân phối hoặc các Phương tiện thông tin đại chúng khác cho Nhà đầu tư.

## 8. Quy trình thay đổi các nội dung tại Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- Khi các điều kiện thị trường thay đổi, Công ty Quản lý Quỹ nhận thấy cần thiết phải thay đổi nguyên tắc định giá tài sản hoặc nội dung khác trong Sổ tay định giá để phản ánh giá trị danh mục được chính xác hơn, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất các sửa đổi, bổ sung trong Sổ tay định giá.
- Các sửa đổi, bổ sung này sẽ được đệ trình cho Ban đại diện Quỹ phê duyệt.
- Các sửa đổi, bổ sung này sẽ được áp dụng vào Ngày định giá gần nhất sau ngày được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

**PHỤ LỤC 5**  
**GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ, GIÁM SÁT VÀ QUẢN TRỊ QUỸ**

Stt	Loại Giá dịch vụ	Biểu Giá	Min/Max	Ghi chú
I	GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ (*)	$0,06\% * NAV / \text{Năm}$	Min: 15.000.000 đồng/tháng	NAV được xác định tại thời điểm lập báo cáo
II	GIÁ DỊCH VỤ GIÁM SÁT (*)	$0,02\% * NAV / \text{Năm}$	Min: 5.000.000 đồng/tháng	
III	GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ XỬ LÝ GIAO DỊCH			
3.1	Đối với cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch	Min: 100.000 đồng/ngày	Xác định tại ngày giao dịch chứng khoán
3.2	Đối với trái phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Min: 100.000 đồng/ngày	
3.3	Đối với chứng khoán OTC	100.000 đồng/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.		
IV	GIÁ DỊCH VỤ TRẢ VSDC (GIÁ DỊCH VỤ BÊN THỨ 3)			
4.1	Giá dịch vụ lưu ký	0,27 đồng/cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm/tháng; 0,18 đồng/trái phiếu doanh nghiệp/tháng; 0,14 đồng/công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công/tháng	Max 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu doanh nghiệp;  Max 1.400.000 đồng/tháng/mã công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công	Giá dịch vụ lưu ký và chuyển khoản áp dụng theo biểu giá Bộ Tài chính quy định trong từng thời kỳ, Khi BTC thay đổi biểu giá thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng (**)
4.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/CK/1 lần chuyển khoản/1 mã	Max 300.000 đồng/lần/mã CK	
4.3	Các khoản giá dịch vụ VSDC thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		
V	GIÁ DỊCH VỤ QUẢN TRỊ QUỸ			
	Giá dịch vụ Quản trị Quỹ (*)	$0,03\% * NAV / \text{Năm}$	Min: 15.000.000 đồng/tháng	

*Ghi chú:*

*(\*) Không áp dụng mức giá dịch vụ tối thiểu cho Quỹ trong trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ nhỏ hơn 150 tỷ đồng.*

*(\*\*) Biểu giá dịch vụ này chưa bao gồm VAT (nếu có) và chưa bao gồm phí thanh toán, Giá dịch vụ tài khoản (duy trì tài khoản, internet banking...) phục vụ cho hoạt động của Quỹ và phân phối cổ tức.*